

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2017/HSST
Ngày 15 tháng 11 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huân và ông Nguyễn Văn Tuyên

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Duẩn là Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Lạc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Ông Phan Anh Đức - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 15 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 48/2017/HSST ngày 13 tháng 10 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 52/2017/QĐXX - HSST ngày 03 tháng 11 năm 2017 đối với:

Bị cáo Nguyễn Thị H, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1977; sinh trú quán: Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 09/12; con ông Nguyễn Tiến N và bà Lê Thị D; chồng là Trần Quang V và có 03 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không. Hiện nay bị cáo đang tại ngoại tại địa phương (có mặt);

- Người bị hại:

Bà Lê Thị C, sinh năm 1960; trú tại: Khu 4, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ, (đã chết).

- Người đại diện hợp pháp của người bị hại:

Anh Trần Văn K, sinh năm 1985; chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1987; anh Trần Văn K, sinh năm 1989; đều trú tại: Xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ; chị Trần Thị Hồng G, sinh năm 1987, trú tại: Làng N, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

(Bà C đã ly hôn; anh K, chị O và chị G đều là các con của bà C).

- Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của gia đình người bị hại:

Chị Trần Thị Hồng G, sinh năm 1987, trú tại: Làng N, phường M, quận N, thành phố Hà Nội, (vắng mặt);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phan Trọng H, sinh năm 1958; trú tại: Thôn Đ, xã S, huyện Q, thành phố Hà Nội, (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 05/04/2017, Nguyễn Thị H có giấy phép lái xe mô tô hạng A1 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Phúc cấp theo quy định, điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 26C1 - 042.91, nhãn hiệu Honda dung tích xy lanh 97cm³ theo đường liên thôn từ thôn H đi thôn Đ, xã Đ. H điều khiển xe mô tô với tốc độ khoảng 35km/h đến khu vực ngã tư giao nhau giữa đường liên thôn với quốc lộ 2C, quan sát thấy phía bên trái theo hướng đi của H trên quốc lộ 2C không có người và phương tiện tham gia giao thông, bên phải có một xe mô tô biển kiểm soát 29V7 - 317.20 do ông Phan Trọng H ở xã S, huyện Q, thành phố Hà Nội đang điều khiển chở sau bà Lê Thị C ở tại khu 4, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ theo hướng đi từ huyện V đến đường tránh thành phố V. H thấy xe mô tô của ông H cách ngã tư khoảng 100m, H cho rằng có thể điều khiển xe mô tô đi qua ngã tư an toàn nên H giữ nguyên tốc độ và cho xe đi qua ngã tư. Khi xe mô tô của H đi đến làn đường phía trong cùng gần lối mở vào thôn Đ thì mặt bên phải vành bánh trước của xe mô tô do H điều khiển đã đâm vào ốp nhựa tại vị trí cần số của xe mô tô do ông Hồng điều khiển. Hậu quả làm cho xe mô tô của H bị đổ xuống đường còn xe mô tô của ông H bị loạng choạng, bà Lê Thị C ngồi ở phía sau xe mô tô của ông H bị ngã xuống đường. Theo đà, xe mô tô của ông H đi thêm khoảng 30m nữa mới dừng lại được. Sau khi sự việc xảy ra, bà C được ông H và người dân đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc. Do vết thương quá nặng nên bà C đã tử vong ngay sau đó.

Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Lạc đã tiến hành khám nghiệm hiện trường vụ án; khám nghiệm tử thi và khám nghiệm các phương tiện có liên quan đến vụ tai nạn giao thông theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 76/TT ngày 05/04/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Nguyên nhân tử vong của bà Lê Thị C là do bị sốc đa chấn thương không hồi phục.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi tai nạn xảy ra, Nguyễn Thị H đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bà Lê Thị C 43.000.000 đồng (Bốn mươi ba triệu đồng), ông Phan Trọng H tự nguyện hỗ trợ tiền mai tang phí cho gia đình bà Lê Thị C 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của gia đình bà C là chị Trần Thị Hồng G đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu gì khác về mặt dân sự đồng thời chị G có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho Nguyễn Thị H.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 26C1 - 042.91 của Nguyễn Thị H và xe mô tô 29V7 - 317.20 của ông Phan Trọng H. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ. Hai chiếc xe mô tô trên là tài sản hợp pháp của Nguyễn Thị H và ông Phan Trọng H nên ngày 03/07/2017. Cơ quan điều tra đã ra trả lại cho Nguyễn Thị H chiếc xe mô tô biển kiểm soát 26C1 - 042.91 và ông Phan Trọng H chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29V7 - 317.20. Sau khi nhận lại tài sản, không ai có yêu cầu gì khác.

Về vật chứng của vụ án: Thu tại hiện trường ốp cao su bàn để chân chính bên trái của xe mô tô biển kiểm soát 29V7 - 317.20 được ký hiệu là A1; ốp nhựa màu đen thu tại cần sang số tiến của xe mô tô biển kiểm soát 29V7 - 317.20 được ký hiệu là A2 và toàn bộ bao gói niêm phong do Cơ quan giám định gửi đi giám định hoàn trả được ký hiệu là M1. Do vật chứng ở các mẫu ký hiệu A1, A2 và M1 không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy. Trả lại cho Nguyễn Thị H 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 số 261147008221 do Sở giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 18/9/2014 nhưng cần tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thị H đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như các lời khai của người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của gia đình người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị H cũng đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như các lời khai của người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của gia đình người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã khai tại Cơ quan điều tra.

Bản cáo trạng số: 51/KSĐT – TA ngày 13/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, theo khoản 1 Điều 202 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y giữ quyền công tố luận tội và tranh luận đã phân tích lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều

tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của gia đình người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và phù hợp với các vật chứng đã thu giữ được. Từ đó có đủ cơ sở để xác định bị cáo Nguyễn Thị H đã phạm vào tội: “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị H và đề nghị Hội đồng xét xử. Áp dụng khoản 1 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 09 tháng đến 01 năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Thị H cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất quan điểm về xử lý vật chứng liên quan đến vụ án và án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Thị H không có ý kiến gì tham gia tranh luận và nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau;

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án này đều hợp pháp và đúng theo quy định của pháp luật.

Về hành vi thực hiện phạm tội của bị cáo: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố mà không có lời tự bào chữa nào khác. Xét lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của gia đình người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với lời khai của những người làm chứng và phù hợp với các vật chứng đã thu thập được từ đó có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày

05/04/2017, Nguyễn Thị H có giấy phép lái xe theo quy định. Điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 26C1 - 042.91 theo đường liên thôn từ thôn H về thôn Đ, xã Đ. Đến ngã tư giao nhau giữa đường liên thôn với quốc lộ 2C, do không chú ý quan sát, không giảm tốc độ và không nhường đường cho phương tiện đang tham gia giao thông trên đường chính dẫn đến xe mô tô của H đã đâm vào xe mô tô biển kiểm soát 29V7 - 317.20 do ông Phan Trọng H điều khiển, phía sau chở bà Lê Thị C trên quốc lộ 2C theo hướng đi từ huyện V đi về đường tránh thành phố V. Hậu quả làm cho bà Lê Thị C bị ngã ra đường và tử vong ngay sau đó.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 76/TT ngày 05/04/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Nguyên nhân tử vong của bà Lê Thị C là do bị sốc đa chấn thương không hồi phục.

Với hành vi nêu trên của Nguyễn Thị H đã vi phạm vào khoản 3 Điều 24 của Luật giao thông đường bộ.

Điều luật quy định: *“Tại nơi đường giao nhau giữa đường không ưu tiên và đường ưu tiên hoặc giữa đường nhánh và đường chính thì xe đi từ đường không ưu tiên hoặc đường nhánh phải nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên hoặc đường chính từ bất kỳ hướng nào tới”*.

Như vậy có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Thị H đã phạm vào tội: “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 202 của Bộ luật hình sự, có khung hình phạt là cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến năm năm

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại đến tính mạng của người khác; làm ảnh hưởng đến cuộc sống của gia đình người bị hại; gây hoang mang lo lắng cho những người tham gia giao thông. Trong những năm qua mặc dù Nhà nước đã có nhiều biện pháp nhằm giảm bớt các vụ tai nạn giao thông nhưng tình trạng vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông vẫn chưa thuyên giảm, thiệt hại về người và tài sản do các vụ giao thông gây ra còn nghiêm trọng. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên, nhưng chủ yếu vẫn là do ý thức chấp hành Luật giao thông đường bộ của người tham gia giao thông còn kém, một phần là do không hiểu biết về các quy định của Nhà nước về an toàn giao thông, một phần là do người tham gia giao thông biết nhưng cố tình vi phạm; ở vụ án này, bị cáo là người có giấy phép lái xe mô tô cho nên bị cáo nhận thức được việc khi tham gia giao thông, người điều khiển phương tiện giao thông cần phải tuân thủ các quy tắc về giao thông nhưng bị cáo đã không chấp hành dẫn đến gây tai nạn cho bà C. Hậu quả làm

cho bà C bị chết; chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật, ý thức chấp hành luật giao thông của bị cáo kém. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo ở mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của tội phạm, hậu quả xảy ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 48 của Bộ luật hình sự; trước khi phạm tội, bị cáo là người có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình và tỏ ra ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội, bị cáo đã tích cực bồi thường thiệt hại để khắc phục hậu quả cho gia đình người bị hại. Người đại diện hợp pháp của gia đình người bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Ngoài ra, bố bị cáo là ông Nguyễn Tiến N là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba. Hoàn cảnh gia đình bị cáo đặc biệt khó khăn, chồng bị cáo bị tai nạn giao thông phải mổ não không lao động được, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình lại nuôi 02 con nhỏ nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Do bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 46 và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Bị cáo là người có nơi cư trú ổn định, rõ ràng cho nên không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam mà cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo đang cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ giúp bị cáo cải tạo trở thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường đầy đủ thiệt hại cho gia đình người bị hại. Nay đại diện gia đình người bị hại không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng, ông Phan Trọng H đã tự nguyện hỗ trợ cho gia đình người bị hại nay ông H không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 26C1 - 042.91 của Nguyễn Thị H và xe mô tô 29V7 - 317.20 của ông Phan Trọng H. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ. Hai chiếc xe mô tô trên là tài sản hợp pháp của Nguyễn

Thị H và ông Phan Trọng H. Ngày 03/07/2017, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Nguyễn Thị H chiếc xe mô tô biển kiểm soát 26C1 - 042.91 và ông Phan Trọng H chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29V7 - 317.20. Sau khi nhận lại tài sản, không ai có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, hậu quả xảy ra là nghiêm trọng; hành vi phạm tội của bị cáo hoàn toàn là do lỗi của bị cáo gây ra. Giấy phép lái xe hạng A1 của bị cáo, chủ yếu dùng vào việc đi lại của bị cáo chứ không phải dùng vào mục đích hành nghề nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là cầm lái xe khi tham gia giao thông.

Về vật chứng của vụ án: Thu tại hiện trường ốp cao su bàn để chân chính bên trái của xe mô tô biển kiểm soát 29V7 - 317.20 được ký hiệu là A1; ốp nhựa màu đen thu tại cần sang số tiền của xe mô tô biển kiểm soát 29V7 - 317.20 được ký hiệu là A2 và toàn bộ bao gói niêm phong do Cơ quan giám định gửi đi giám định hoàn trả được ký hiệu là M1. Do vật chứng ở các mẫu ký hiệu A1, A2 và M1 không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy. Trả lại cho Nguyễn Thị H 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 số 261147008221 do Sở giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 18/9/2014 nhưng cần tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội: “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Áp dụng khoản 1 Điều 202; điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 10 (Mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01(Một) năm 08 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị H cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự; Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy ốp cao su bàn để chân chính bên trái của xe mô tô biển kiểm soát 29V7 - 317.20 ký hiệu A1; ốp nhựa màu đen thu tại cần sang số tiền của xe mô tô biển kiểm soát 29V7 - 317.20 ký hiệu A2 và toàn

bộ bao gói niêm phong do Cơ quan giám định gửi đi giám định hoàn trả được ký hiệu M1 vì không còn giá trị sử dụng được niêm phong trong hộp giấy có chữ ký và dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc.

Trả lại cho Nguyễn Thị H 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 số 261147008221 do Sở giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 18/9/2014 nhưng cần tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Chi cục thi hành án huyện Y và Công an huyện Y ngày 19/10/2017).

Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người đại diện hợp pháp của gia đình người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Hạnh

Nơi nhân:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Công an huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- UBND xã nơi bị cáo đang cư trú;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS vụ án; bộ phận theo dõi
THA.HS; VT;

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Hạnh